

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE.**

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP. Bến Tre,  
Tỉnh Bến Tre.

SĐT: (075) 3826 358

Fax: (075) 3 817 770

Website: [www.congtrinhdothibentre.vn](http://www.congtrinhdothibentre.vn)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

*Bến Tre, tháng 4 năm 2017*

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# NĂM 2016



# MỤC LỤC

## 01

### **THÔNG TIN CHUNG**

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành & phát triển

Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

Định hướng phát triển

Các rủi ro

## 04

### **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Về các hoạt động của Công ty

Về hoạt động ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch & định hướng



## 02

---

### **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

## 03

---

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm

Trách nhiệm với môi trường & xã hội


## 05

---

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán



## **THÔNG TIN CHUNG**

**Thông tin khái quát**

**Quá trình hình thành và phát triển**

**Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

**Tình hình quản trị, cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý**

**Định hướng phát triển**

**Các rủi ro**

---

Thông tin khái quát

<b>Tên giao dịch</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 1300113091 (số cũ: 5504000011) do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 18 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 25/05/2016.
<b>Vốn điều lệ</b>	36.000.000.000 đồng.
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	36.000.000.000 đồng.
<b>Địa chỉ</b>	26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, TP.Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
<b>Số điện thoại</b>	(075) 3.826.358
<b>Số fax</b>	(075) 3.817.770
<b>Website</b>	<a href="http://www.congtrinhdothibentre.vn">www.congtrinhdothibentre.vn</a> <a href="http://www.bentrepc.vn">www.bentrepc.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	BTU







## Quá trình hình thành và phát triển

➤ **Ngày 29/4/1997**

Công ty Công trình đô thị Bến Tre, tiền thân là bộ phận Công trình đô thị thuộc Công ty Nhà ở và Công trình đô thị Bến Tre, được thành lập và hoạt động dưới sự quản lý của UBND tỉnh Bến Tre.

➤ **Ngày 01/01/2006,**

Công ty chịu sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Xây Dựng Bến Tre.

➤ **Ngày 01/01/2007,**

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà Nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

➤ **Ngày 03/02/2010,**

Công ty đã được UBND tỉnh Bến Tre cho bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và tăng vốn điều lệ từ 5 tỷ đồng lên 12 tỷ đồng.

➤ **Ngày 24/06/2014,**

UBND tỉnh Bến Tre quyết định phê duyệt, tăng vốn điều lệ công ty từ 12 tỷ đồng lên 24 tỷ đồng, bên cạnh bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh mới.

➤ **Ngày 23/10/2014,**

Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bến Tre thành công ty cổ phần.

➤ **Ngày 23/01/2015,**

Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre.

➤ **Ngày 29/01/2015,**

Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300113091 với vốn điều lệ là 36.000.000.000 đồng.

➤ **Ngày 22/09/2015,**

Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 6036/UBCK-QLPH ngày 22/09/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

➤ **Ngày 04/03/2016,**

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 126/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.

➤ **Tháng 01/2017,**

Công ty thành lập công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển đô thị Bến Tre.

## Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### Ngành nghề kinh doanh.

Thu gom rác thải không độc hại;  
Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;  
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;  
Xây dựng công trình công ích;  
Lắp đặt hệ thống điện;  
Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;  
Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;  
Trồng hoa, cây cảnh;  
Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp;  
Hoạt động dịch vụ trồng trọt;  
Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;  
Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;  
Xây dựng nhà các loại;  
Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;  
Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;  
Hoàn thiện công trình xây dựng;  
Bán buôn hoa và cây;  
Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;  
Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; ...

### Địa bàn kinh doanh.

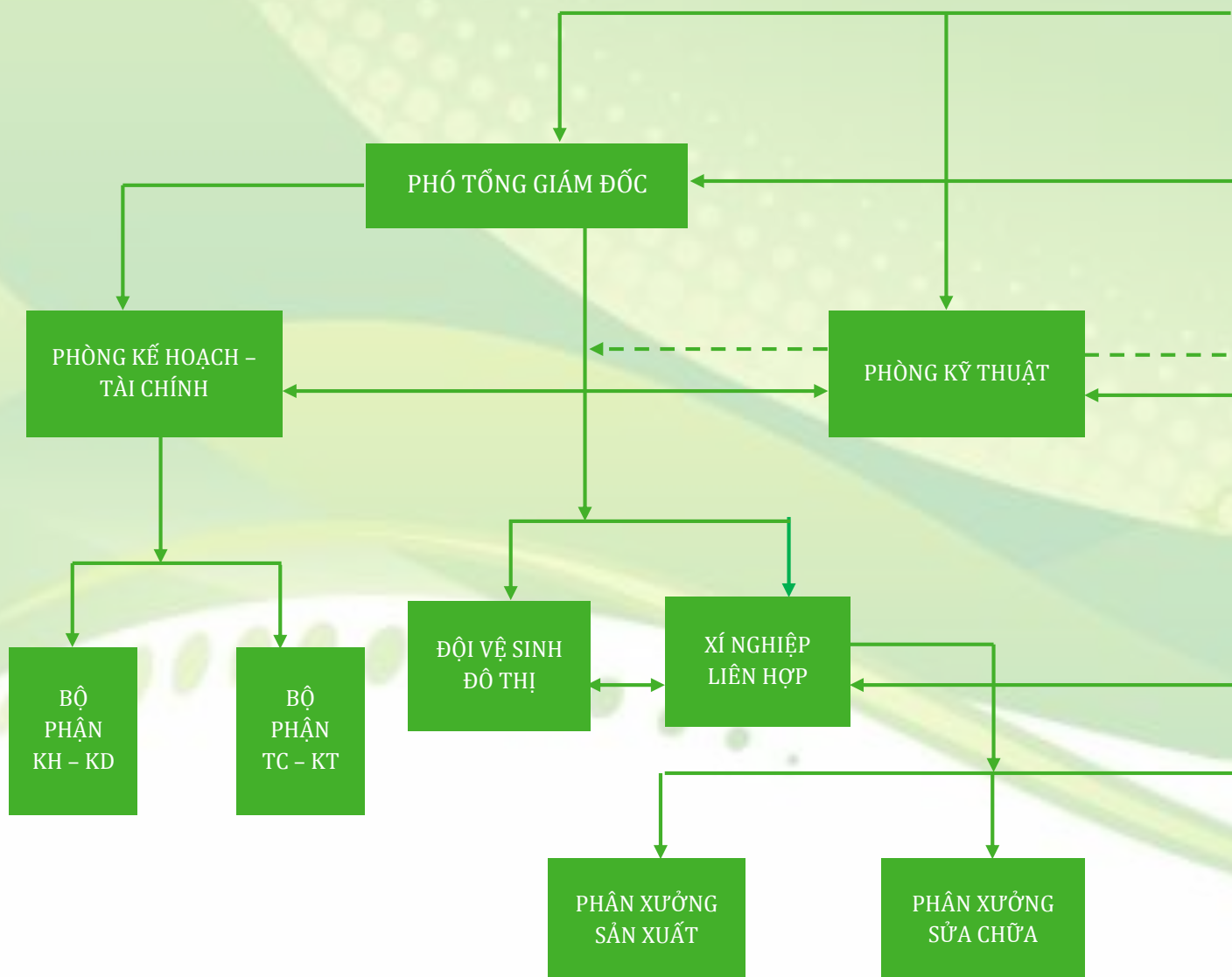
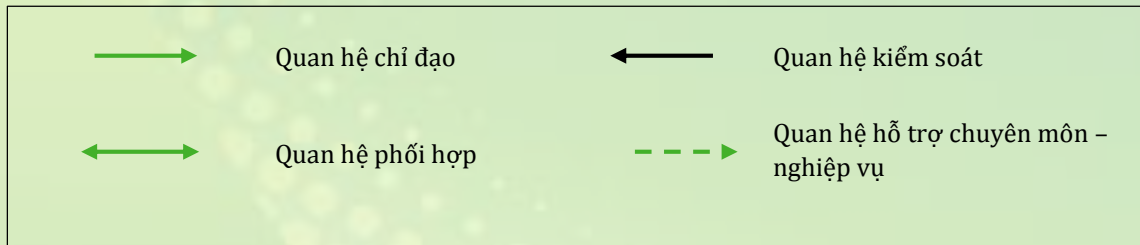
Thực hiện những công trình đô thị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.



Một số hoạt động kinh doanh của Công ty



## Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG TỔ CHỨC -  
HÀNH CHÍNH

ĐỘI CHIẾU SÁNG  
CÔNG CỘNG

ĐỘI DUY TU  
CẦU ĐƯỜNG

ĐỘI CÔNG VIÊN  
CÂY XANH

PHÂN XƯỞNG  
CƠ KHÍ

**Các công ty con, công ty liên kết:**

Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển đô thị Bến Tre.

- Địa chỉ: 26 Nguyễn Huệ, Phường 1, TP.Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ công ích đô thị; thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh doanh nhà, đất và bất động sản.
- Vốn điều lệ thực góp: 7.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu: 100%



**Thành tích thi đua khen thưởng**

	<b>CƠ QUAN BAN HÀNH</b>	<b>NỘI DUNG VĂN BẢN</b>
<b>650/QĐ-UBND 18/3/2010</b>	UBND tỉnh	Khen thưởng thành tích tổng kết năm 2009
<b>517/QĐ-UBND 08/3/2010</b>	UBND tỉnh	Khen thưởng “Cờ thi đua xuất sắc” năm 2009
<b>606/QĐ-UBND 16/3/2010</b>	UBND tỉnh	Tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2009
<b>1425/QĐ-CTN 25/8/2010</b>	Chủ Tịch Nước	Tặng thưởng Huân chương lao động hạng Nhì
<b>07/QĐ-TLĐ 04/01/2011</b>	Tổng LĐLĐ Việt Nam	Bằng khen về phong trào “Xanh- sạch- đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” năm 2010
<b>508/QĐ-BVHTTDL 18/02/2011</b>	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bằng khen về thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” (2000-2010)
<b>414/QĐ-UBND 01/3/2011</b>	UBND tỉnh	Khen thưởng thành tích tổng kết năm 2010
<b>430/QĐ-UBND 09/3/2012</b>	UBND tỉnh	Tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2011
<b>1143/QĐ-BYT 12/4/2012</b>	Bộ Y tế	Bằng khen về thành tích chăm sóc sức khoẻ người lao động năm 2011
<b>573/QĐ-TT 18/5/2012</b>	Thủ tướng Chính phủ	Khen thưởng “Cờ thi đua của Chính phủ” năm 2011
<b>30/QĐ-LĐLĐ 30/12/2015</b>	Liên đoàn lao động	Tặng “cờ thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2015”
<b>365/QĐ-UBND 23/02/2016</b>	UBND tỉnh Bến Tre	Tặng Bằng khen về phong trào “Xanh- sạch- đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động năm 2014, 2015”
<b>2377/QĐ - UBND 10/10/2016</b>	UBND tỉnh Bến Tre	Doanh nghiệp tiêu biểu giai đoạn 2014 - 2016



## Định hướng phát triển

### Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Luôn nỗ lực cung cấp dịch vụ có chất lượng và nhanh chóng nhằm làm hài lòng khách hàng.

Tập trung nguồn lực hỗ trợ thúc đẩy tiến trình đô thị hóa, chỉnh trang đô thị, góp phần đưa thành phố Bến Tre đạt chuẩn đô thị loại 2 vào năm 2020.

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực môi trường đô thị tại Bến Tre và Đồng bằng Sông Cửu Long.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Sắp xếp và tinh giản bộ máy tổ chức của công ty theo hướng chuyên môn hóa, để nâng cao hiệu quả hoạt động. Bên cạnh đó, công ty còn chú trọng công tác tìm kiếm nhân lực mới cùng với đào tạo và sắp xếp nhân sự sao cho hợp lý, đạt hiệu quả cao nhất.

Từng bước xây dựng thương hiệu riêng cho công ty, tiến hành các hoạt động nghiên cứu thị trường nhằm tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới và thu hút nguồn vốn đầu tư vào công ty.

Cải thiện và nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty bằng việc thay mới những trang thiết bị đã lỗi thời, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động điều hành, quản lý và cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Xây dựng mối quan hệ với khách hàng thông qua việc cải thiện hoạt động chăm sóc khách hàng.

Tìm kiếm và duy trì quan hệ với chủ đầu tư để kịp thời nắm bắt cơ hội kinh doanh.



## **Các mục tiêu phát triển bền vững**

Xây dựng và duy trì vẻ mỹ quan đô thị của tỉnh Bến Tre, từng bước mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh đến các huyện và các tỉnh lân cận.

Xây dựng những chương trình đào tạo, nâng cao kỹ năng cho cán bộ, công nhân viên chức trong công ty.

Tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động tình nguyện, hoạt động Đền ơn đáp nghĩa...để góp phần giúp đỡ và cải thiện đời sống người dân địa phương.

Tổ chức và tham gia các hoạt động nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ và làm sạch môi trường sống, góp phần duy trì vẻ đẹp đô thị tỉnh Bến Tre.



## Các rủi ro

### **Rủi ro kinh tế**

Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, chính vì thế, công ty ít chịu tác động trực tiếp từ các yếu tố kinh tế vĩ mô. Tuy vậy, tốc độ phát triển của nền kinh tế hay tình hình thu – chi ngân sách trung ương và địa phương có thể gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động của công ty vì đa phần dịch vụ công ích được cung cấp để cải thiện cơ sở hạ tầng trong tỉnh Bến Tre.

Trong những năm tới, khi Cộng đồng ASEAN chính thức hoạt động, các Hiệp định thương mại tự do FTA của Việt Nam với các đối tác chính thức có hiệu lực sẽ hứa hẹn những nguồn vốn đầu tư mới từ đó có thể sẽ mang lại cho công ty nhiều cơ hội phát triển.

### **Rủi ro pháp luật**

Hoạt động của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre chịu sự tác động từ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán... và các văn bản dưới luật khác. Trong năm 2016, Đại hội Đại biểu lần thứ XII của Đảng và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021 đã bầu ra một Chính phủ mới, với những kỳ vọng về cải cách hệ thống pháp luật, hướng đến một môi trường pháp luật đơn giản và rõ ràng, đặt mục tiêu cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam. Trong khoảng thời gian sắp tới, những chuyển biến về chính sách và pháp luật là một điều tất yếu, đòi hỏi công ty cần linh hoạt điều chỉnh sao cho đáp ứng được những sự thay đổi này.

### **Rủi ro khác.**

Bên cạnh đó, công ty còn đề phòng những rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ ... Những trường hợp này hiếm khi xảy ra nhưng khi xảy ra sẽ để lại thiệt hại nghiêm trọng về tính mạng và tài sản. Công ty đề phòng bằng cách thường xuyên kiểm tra trang thiết bị, đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.



### **Rủi ro đặc thù ngành**

Hiện nay, đơn giá đầu ra của dịch vụ công ích vẫn còn bị kiểm soát bởi các cơ quan ban ngành. Trong thời gian sắp tới, đơn giá của dịch vụ này có xu hướng được điều chỉnh giảm. Trong khi đó, chi phí nhân công, chi phí vật tư, thiết bị, công cụ đầu vào để sản xuất, cung cấp dịch vụ lại được dự báo tăng lên. Điều này khiến những doanh nghiệp hoạt động trong ngành dịch vụ công ích nói chung và BTU nói riêng gặp khó khăn trong việc cân đối chi phí để tạo ra lợi nhuận mục tiêu.

Chính Phủ đã chỉ đạo UBND các địa phương tích cực áp dụng hình thức đấu thầu trong việc lựa chọn nhà cung ứng dịch vụ công ích, nhằm khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân, hướng đến cải thiện chất lượng dịch vụ. Trước thực tế này, Công ty sẽ phải đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng trong ngành. Điều này đòi hỏi Công ty phải tăng cường thu hút vốn, đẩy mạnh cải tiến công nghệ và nâng cao chất lượng dịch vụ để giữ vững vị thế sẵn có trước các đối thủ cạnh tranh.

Thành phố Bến Tre, địa bàn hoạt động chính của Công ty nằm ở hạ lưu sông Tiền, nên chất thải từ thượng nguồn và chất thải tại chỗ có xu hướng tích tụ với số lượng lớn. Bên cạnh đó, thành phố Bến Tre đang trong quá trình cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, hướng đến mục tiêu trở thành Đô thị loại II năm 2020. Quá trình này khiến hoạt động thu gom rác thải của Công ty gặp nhiều khó khăn.

### **Rủi ro môi trường**

Hoạt động trong lĩnh vực môi trường đô thị, Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre luôn ý thức thực hiện trách nhiệm trong vấn đề bảo vệ môi trường sống của cộng đồng dân cư, góp phần xây dựng vẻ đẹp đô thị xanh – sạch – đẹp cho thành phố Bến Tre

Thực tế, công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của Công ty dễ gây ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân. Do đó, Công ty đã nỗ lực để hạn chế mức độ ảnh hưởng đó bằng các biện pháp như: thường xuyên bảo dưỡng, vệ sinh trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phối hợp với UBND thành phố Bến Tre trồng thêm cây xanh và xây tường rào ở bãi rác Phú Hưng, đề xuất các biện pháp nâng sức chứa cho bãi rác Phú Hưng...



## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**

**Tình hình hoạt động trong năm**

**Tổ chức & nhân sự**

**Tình hình đầu tư & thực hiện dự án**

**Tình hình tài chính**

**Cơ cấu cổ đông**

**Báo cáo tác động đến môi trường & xã hội của Công ty**

---

## Tình hình hoạt động

### Cơ cấu doanh thu thuần

	Đơn vị tính	2015	Tỷ trọng (%)	2016	Tỷ trọng (%)	% tăng giảm doanh thu
<b>Doanh thu công trình</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>6.485</b>	<b>13,53</b>	<b>13.153</b>	<b>23,62</b>	<b>102,82</b>
Công trình xây dựng cơ bản	Triệu đồng	5.945	12,41	4.630	8,31	-22,11
Công trình chiếu sáng	Triệu đồng	320	0,67	7.944	14,26	2382,40
Công trình cây xanh	Triệu đồng	169	0,35	227	0,41	34,05
Công trình khác	Triệu đồng	51	0,11	352	0,63	577,50
<b>Doanh thu công ích</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>41.436</b>	<b>86,47</b>	<b>42.544</b>	<b>76,38</b>	<b>2,68</b>
Chiếu sáng công cộng	Triệu đồng	3.838	8,01	3.633	6,52	-5,33
Công viên cây xanh	Triệu đồng	15.394	32,12	12.552	22,54	-18,46
Duy tu cầu đường	Triệu đồng	3.582	7,47	4.918	8,83	37,29
Vệ sinh đô thị	Triệu đồng	18.622	38,86	21.441	38,50	15,14
<b>Doanh thu khác</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>47.921</b>	<b>100,00</b>	<b>55.697</b>	<b>100,00</b>	<b>16,23</b>

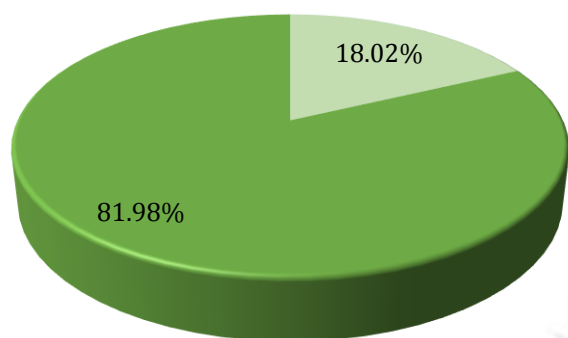
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre đi vào hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần từ ngày 29/01/2015 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300113091 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp. Do đó, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của Công ty được lũy kế cho giai đoạn Công ty cổ phần từ ngày 01/02/2015 đến 31/12/2015, trong khi đó, số liệu tài chính năm 2016 được tính từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016. Điều này làm giảm ý nghĩa so sánh các số liệu tài chính cho hai kỳ báo cáo này.

Doanh thu thuần năm 2016 đạt 55.697 triệu đồng, tăng 16,23% so với năm 2015 (47.921 triệu đồng). Trong đó, doanh thu từ hoạt động dịch vụ công ích chiếm tỷ trọng lớn nhất (hơn 75%/ doanh thu thuần). Tuy nhiên, tỷ trọng này có xu hướng giảm do sự gia tăng doanh thu trong lĩnh vực thi công công trình từ 6.485 triệu đồng (13,53%/ doanh thu) năm 2015 tăng lên 13.153 triệu đồng (23,62%/ doanh thu) trong năm 2016. Cụ thể là mảng Công trình chiếu sáng, doanh thu năm 2016 đạt 7.944 triệu đồng, tăng hơn 23 lần so với năm 2015.

## Cơ cấu giá vốn hàng bán

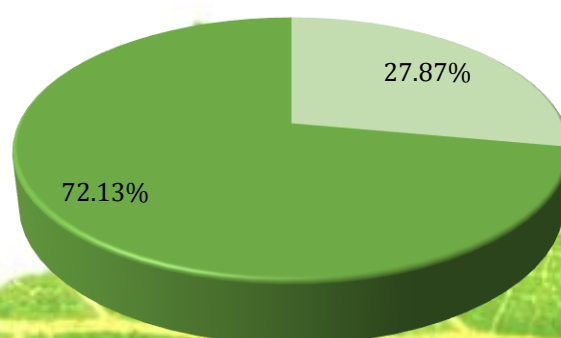
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	Tỷ trọng/ Doanh thu	2016	Tỷ trọng/ Doanh thu	% tăng giảm Tỷ trọng/ Doanh thu
<b>Giá vốn hàng bán công trình</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>6.149</b>	<b>94,82%</b>	<b>11.594</b>	<b>88,15%</b>	<b>-7,04</b>
Công trình xây dựng cơ bản	Triệu đồng	5.653	95,09%	4.186	90,41%	-4,92
Công trình chiếu sáng	Triệu đồng	284	88,75%	6.969	87,73%	-1,15
Công trình cây xanh	Triệu đồng	122	72,19%	118	51,98%	-27,99
Công trình khác	Triệu đồng	90	176,47%	321	91,19%	-48,32
<b>Giá vốn hàng bán dịch vụ công ích</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>27.983</b>	<b>67,53%</b>	<b>30.001</b>	<b>70,52%</b>	<b>4,42</b>
Chiếu sáng công cộng	Triệu đồng	3.054	79,57%	2.427	66,80%	-16,05
Công viên cây xanh	Triệu đồng	11.228	72,94%	9.140	72,82%	-0,17
Duy tu cầu đường	Triệu đồng	2.407	67,20%	3.950	80,32%	19,52
Vệ sinh đô thị	Triệu đồng	11.294	60,65%	14.484	67,55%	11,38
<b>GVHB khác</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>34.132</b>	<b>71,23%</b>	<b>41.595</b>	<b>74,68%</b>	<b>4,85</b>

2015



Công trình
  Dịch vụ công ích

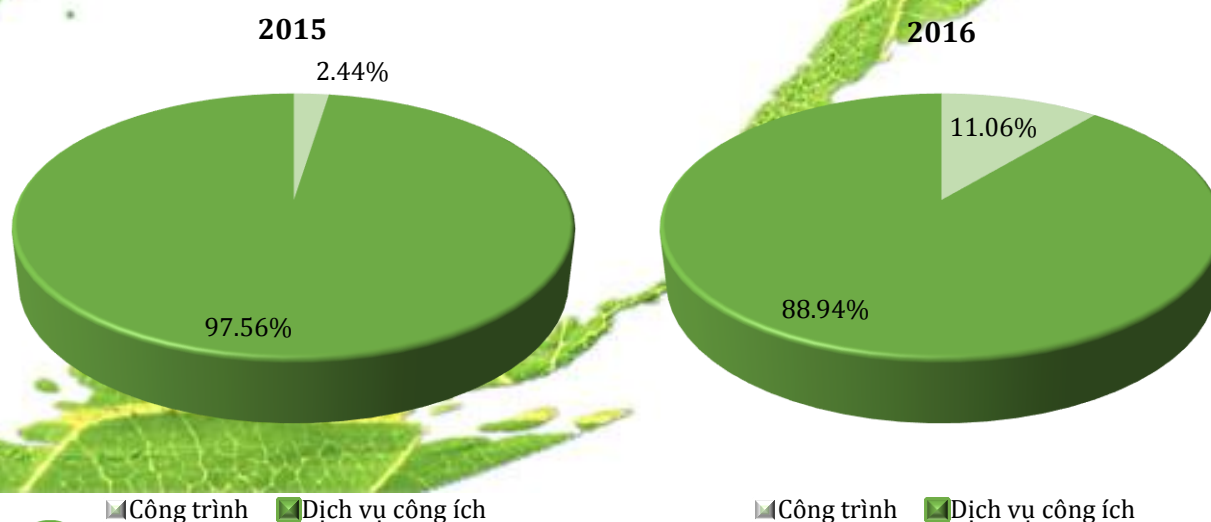
2016



Công trình
  Dịch vụ công ích

## Cơ cấu lợi nhuận gộp

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	Tỷ lệ Lợi nhuận gộp (%)	2016	Tỷ lệ Lợi nhuận gộp (%)	% tăng giảm Tỷ lệ lợi nhuận gộp.
<b>Lợi nhuận thi công công trình</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>336</b>	<b>5,18%</b>	<b>1.559</b>	<b>11,85%</b>	<b>128,77</b>
Công trình xây dựng cơ bản	Triệu đồng	292	4,91%	445	9,61%	95,68
Công trình chiếu sáng	Triệu đồng	36	11,25%	974	12,26%	8,99
Công trình cây xanh	Triệu đồng	47	27,81%	109	48,02%	72,66
Công trình khác	Triệu đồng	-39	-	31	8,81%	-111,52
<b>Lợi nhuận dịch vụ công ích</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>13.453</b>	<b>32,47%</b>	<b>12.543</b>	<b>29,48%</b>	<b>-9,19</b>
Chiếu sáng công cộng	Triệu đồng	784	20,43%	1.206	33,20%	62,51
Công viên cây xanh	Triệu đồng	4.165	27,06%	3.413	27,19%	0,50
Duy tu cầu đường	Triệu đồng	1.175	32,80%	968	19,68%	-40,00
Vệ sinh đô thị	Triệu đồng	7.329	39,36%	6.956	32,44%	-17,57
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>13.789</b>	<b>28,77%</b>	<b>14.102</b>	<b>25,32%</b>	<b>-12,01</b>



**Kết quả hoạt động kinh doanh so với kế hoạch**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2016	TH 2016	TH2016/KH2016
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>51.000</b>	<b>56.064</b>	<b>109,93%</b>
Thi công công trình	Triệu đồng	9.800	13.153	134,21%
Dịch vụ công ích	Triệu đồng	41.000	42.544	103,77%
Hoạt động khác	Triệu đồng	200	367	183,50%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>5.074</b>	<b>5.494</b>	<b>108,28%</b>

Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 với chỉ tiêu doanh thu đạt 55,697 tỷ đồng, đạt 109,21% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế hơn 5,4 tỷ đồng, đạt 108,28% so với kế hoạch. Từng lĩnh vực kinh doanh của Công ty cũng đáp ứng kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cụ thể, lĩnh vực thi công công trình vượt 34% so với kế hoạch, đạt mức doanh thu hơn 13 tỷ đồng so với kỳ vọng 9,8 tỷ đồng. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là dịch vụ công ích mang lại 42,544 tỷ đồng, vượt 1,544 tỷ đồng so với kế hoạch.

Hai lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Công ty là thi công công trình và dịch vụ công ích. Đối với các dịch vụ công ích chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 20% - 25% giá thành sản phẩm, còn đối với các công trình xây dựng cơ bản chiếm khoảng 70% - 80%. Tuy nhiên, giá trị hợp đồng của hoạt động thi công công trình lại lớn hơn rất nhiều, từ đó lợi nhuận tuyệt đối thu về từ hoạt động này sẽ cao hơn so với hoạt động dịch vụ công ích. Bên cạnh đó, tỉnh Bến Tre đang chú trọng việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng, công trình đô thị nhằm tạo động lực cho sự phát triển kinh tế tỉnh nhà, xây dựng thành phố văn hóa và hướng đến đô thị loại 2 trước năm 2020.

Vì vậy, Công ty đã đẩy mạnh việc đầu tư trong lĩnh vực thi công công trình trong năm 2016 và định hướng đây là lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cao, đóng góp quan trọng vào sự phát triển bền vững của BTU sau này.





Tổ chức & nhân sự

Danh sách Ban điều hành

STT	Tên	Chức vụ
1	Ngô Trung Kiên	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Tấn Vũ	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Văn Vũ	Phó Tổng Giám đốc
4	Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng



### **Ông Ngô Trung Kiên - Tổng Giám đốc**

Năm sinh	25/08/1962
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Tổng số cổ phiếu sở hữu	504.650 cổ phiếu
Cá nhân sở hữu	59.800 cổ phiếu
Đại diện sở hữu	444.850 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu	14,02% Vốn điều lệ

### **Quá trình công tác**

Từ 1981 - 1982	Nhân viên Phòng Lao động Thị xã Bến Tre
Từ 1982 - 1990	Nhân viên Phòng Thống kê Thị xã Bến Tre
Từ 1991 - 1992	Nhân viên Phòng Kinh tế - Kế hoạch Thị xã Bến Tre
Từ 1992 - 1999	Nhân viên Phòng Tài chính - Kế hoạch Thị xã Bến Tre
Từ 2000 - 2001	Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị Thị Xã Bến Tre
Từ 2002 - 2005	Phó trưởng ban Ban quản lý các Dự án Thị xã Bến Tre
Từ 2005 - 2006	Quyền trưởng ban Ban quản lý các Dự án đầu tư Thị xã Bến Tre
Từ 2006 - 2010	Trưởng ban Ban quản lý các Dự án đầu tư Thành phố Bến Tre
Từ 2010 - 2012	TUV - Trưởng ban Ban quản lý Dự án đầu tư Thành phố Bến Tre
Từ 2012 - 2014	TUV - Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư Thành phố Bến Tre
Từ 2014 - 2015	TUV - Bí thư Đảng Ủy xã Nhơn Thạnh Thành phố Bến Tre
Từ 6/2015 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre

**Ông Nguyễn Tấn Vũ – Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh	09/02/1978
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngành Tài chính- Kế toán các doanh nghiệp
Tổng số cổ phiếu sở hữu	533.150 cổ phiếu
Cá nhân sở hữu	50.000 cổ phiếu
Đại diện sở hữu	483.150 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu	14,81% Vốn điều lệ

**Quá trình công tác**

Từ 2002 – 2003	Kế toán viên Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bến Tre
Từ 2003 – 2004	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bến Tre
Từ 2004 – 2005	Q. TP Kế toán – tài vụ Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bến Tre
Từ 2005 – 2007	TP Kế toán – tài vụ Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bến Tre
Từ 2007 – 2014	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bến Tre
Từ 2014 – 2015	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bến Tre
Từ 2015 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre

**Ông Lê Văn Vũ – Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh	19/9/1977
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tổng số cổ phiếu sở hữu	13.000 cổ phiếu
Cá nhân sở hữu	13.000 cổ phiếu
Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu	0,36% Vốn điều lệ

**Quá trình công tác**

Từ 2003 – 2005	Cán bộ công nhân viên Phòng Kinh tế kỹ thuật Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bến Tre
Từ 2005 – 2007	Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bến Tre
Từ 2007 – 2014	Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bến Tre
Từ 02/2015 – 9/2015	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre
Từ 10/2015 – nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre

**Bà Trần Thị Vân Nghi – Kế toán trưởng**

Năm sinh	11/9/1977
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngành Tài chính- Kế toán các doanh nghiệp
Tổng số cổ phiếu sở hữu	3.800 cổ phiếu
Cá nhân sở hữu	3.800 cổ phiếu
Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu	0,11% Vốn điều lệ

**Quá trình công tác**

Từ 1999 – 2004	Kế toán viên Xí nghiệp Cơ khí Công Nông Bến Tre
Từ 2005 – 2006	Kế toán viên Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bến Tre
Từ 2007– 2008	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bến Tre
Từ 2009– 2013	Phó TP Kế toán – tài vụ Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bến Tre
Từ 2014	Q. TP Kế toán – tài vụ Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bến Tre
Từ 2/2015 – 10/2016	Quyền Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre
Từ 10/2016 – nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre

**Cơ cấu lao động**

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>Trình độ lao động</b>	<b>173</b>	<b>100</b>
Trình độ đại học, cao đẳng	34	19,65
Trình độ trung cấp	10	5,78
Chứng chỉ sơ cấp nghề	60	34,68
Trình độ lao động phổ thông	69	39,88
<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>172</b>	<b>100</b>
Hợp đồng không thời hạn	149	86,63
Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	23	13,37
<b>Theo tính chất lao động</b>	<b>173</b>	<b>100</b>
Trực tiếp sản xuất	153	88,44
Không trực tiếp sản xuất	20	11,56

**Thu nhập bình quân của người lao động**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	2016/ 2015
<b>Tổng số lượng cán bộ, nhân viên</b>	Người	174	171	98,28%
<b>Thu nhập bình quân</b>	Triệu Đồng/người/tháng	6.410.000	6.665.000	103,98%

## Chính sách nhân sự

**Chế độ làm việc:** Cán bộ Công nhân viên Công ty được tạo điều kiện làm việc trong môi trường sạch sẽ, khang trang. Đối với bộ phận lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ lao động đầy đủ và đáp ứng các quy định về an toàn lao động. Đối với những công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại, người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng, phù hợp, đảm bảo an toàn. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì Cán bộ công nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà Nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.



**Chính sách đào tạo, tuyển dụng:** Công ty tuyển dụng ứng viên dựa trên trình độ, năng lực và kinh nghiệm phù hợp. Ngoài ra, chính sách tuyển dụng của Công ty ưu tiên xem xét điều chuyển, thăng chức cho ứng viên nội bộ đang làm việc trong Công ty dựa vào năng lực và kinh nghiệm của ứng viên. Nếu nội bộ Công ty không tìm được ứng viên phù hợp, Công ty thực hiện tìm kiếm từ nguồn ứng viên bên ngoài. Do đó, Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên Công ty tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ để nâng cao năng lực cá nhân. Công ty luôn khuyến khích môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa cán bộ công nhân viên chức với nhau, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, phát huy năng lực cá nhân.

### Chính sách lương thưởng, phúc lợi:

Tiền lương của người lao động trong Công ty được chi trả theo hệ số, trình độ, năng lực và hiệu quả của công việc được giao. Ngoài ra, Công ty thực hiện đầy đủ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật. Bên cạnh đó, Công ty có chính sách khen thưởng theo quy định trong Luật Lao động dành cho người lao động có thành tích xuất sắc, có đóng góp, có sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến Công ty.



## Tình hình tài chính

### Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
<b>Tổng giá trị tài sản</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>51.648</b>	<b>53.736</b>	<b>104,04%</b>
Doanh thu thuần	Triệu đồng	47.921	55.697	116,23%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	5.719	6.923	121,05%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	202	4	1,98%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.920	6.927	117,01%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.556	5.494	120,59%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức / (VĐL)	%	8,13	9,16 (*)	-

(\*): Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 27/04/2016

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,32	3,57
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,27	3,04
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	22,10	22,31
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	28,36	28,94
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	11,57	12,11
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Vòng	0,93	1,06
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,42	9,86
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	11,43	13,52
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	8,77	10,43
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	11,82	12,43



**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**

Nhìn chung Công ty vẫn đảm bảo được tính thanh khoản khá tốt với hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt duy trì ở mức 3,57 lần và 3,04 lần. Tuy nhiên, hệ số thanh toán nhanh giảm từ 3,27 năm 2015 xuống còn 3,04 trong năm 2016, nguyên nhân là do giá trị Hàng tồn kho của Công ty tăng hơn 10 lần từ 580 triệu tại thời điểm cuối năm 2015 lên đến hơn 6,2 tỷ đồng khi kết thúc năm 2016 nhằm thực hiện mua vật tư phục vụ cho công trình chiếu sáng.

**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

So với năm 2015, cơ cấu vốn của Công ty gần như không thay đổi. Hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều được giữ xung quanh mức 22% và 28%. Khoản nợ của Công ty chủ yếu đến từ các khoản Phải trả người bán, Phải trả người lao động, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước. Công ty vẫn không thực hiện vay nợ ngắn hạn cũng như dài hạn, nguyên nhân do nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn đủ khả năng tài trợ cho việc thực hiện các dự án kinh doanh trong năm

**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**

Chỉ số Vòng quay Hàng tồn kho tăng từ 11,57 lên 12,11 thể hiện khả năng quản lý hàng tồn kho của Công ty đã được cải thiện dù tại thời điểm ngày 31/12/2016, giá trị Hàng tồn kho được ghi nhận tăng mạnh lên đến hơn 6,2 tỷ đồng. Bên cạnh đó, hệ số Vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,93 lên 1,06 cho thấy Công ty đã nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản hơn so với năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu là do BTU đẩy mạnh trong hoạt động xây dựng công trình đèn chiếu sáng, tăng nguồn thu nhập trong năm 2016 cho Công ty.

**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**

Nhìn chung, những hệ số thuộc nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều thể hiện Công ty đã có một năm kinh doanh hiệu quả. Cụ thể, hệ số ROE tăng từ 11,43% lên 13,52%, hệ số ROA tăng từ 8,77% lên mức 10,43%, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần tăng từ 11,82% lên mức 12,43%. Những con số này thể hiện Công ty đang ngày càng cải thiện khả năng kiểm soát chi phí để gia tăng lợi nhuận.

## Cơ cấu cổ đông

### Cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.600.000 cổ phiếu

Số cổ phiếu phổ thông: 3.600.000 cổ phiếu

Số cổ phiếu ưu đãi: 0

Mệnh giá: 10.000 đồng

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 713.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 2.887.000 cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2016, Công ty không thực hiện tăng vốn chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

### Cơ cấu cổ đông

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	164	3.600.000	36.000.000	100%
Cổ đông nhà nước	1	2.689.700	26.897.000	74,71%
Cổ đông tổ chức	1	38.300	383.000	1,06%
Cổ đông cá nhân	162	872.000	8.720.000	24,23%
Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
Cổ đông cá nhân	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>164</b>	<b>3.600.000</b>	<b>36.000.000</b>	<b>100%</b>



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

## **QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU**

Hiện nay Công ty chủ yếu sử dụng trang thiết bị và nguồn nguyên vật liệu được sản xuất trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như chế phẩm xử lý rác, vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị điện công nghiệp,... Do công nghệ sản xuất trong nước còn lạc hậu, nên vật tư, thiết bị, công cụ, phương tiện chuyên dùng của Công ty hay bị hư hỏng. Việc thay thế những trang thiết bị này tốn kém chi phí rất lớn so với quy mô vốn của Công ty hiện tại. Do đó, Công ty luôn vận động tập thể người lao động sử dụng công cụ, thiết bị cẩn trọng và hiệu quả, đóng góp sáng kiến tái sử dụng, tái chế những công cụ dụng cụ, thiết bị đã hỏng, nhằm giảm thiểu phát thải ra môi trường và tiết kiệm cho Công ty. Đối với các loại hóa chất và chế phẩm dùng trong xử lý rác, Công ty luôn bảo quản cẩn thận và sử dụng đúng quy định để hạn chế tác động lớn đến môi trường.

## **TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG**

Công ty chủ yếu sử dụng năng lượng từ điện, xăng, dầu, nhớt,... để phục vụ cho quá trình vận chuyển rác thải, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, thi công các công trình công cộng... Có thể nhận thấy, năng lượng Công ty sử dụng chủ yếu đến từ nguồn nhiên liệu hóa thạch. Thực tế hiện nay, các doanh nghiệp đang được khuyến khích tìm kiếm nguồn năng lượng thay thế năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch, bởi trữ lượng của loại nhiên liệu này không phải là vô hạn, đồng thời quá trình đốt cháy nguồn nhiên liệu này sản sinh ra khí CO<sub>2</sub>, một trong những tác nhân gây hiệu ứng nhà kính, làm biến đổi khí hậu toàn cầu.

Để hạn chế tác động đến môi trường và thực hành tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, Công ty luôn chú trọng chỉ đạo tập thể người lao động sử dụng hợp lý nhiên liệu trong sản xuất kinh doanh.

## **TIÊU THỤ NƯỚC**

Công ty sử dụng nước trong các hoạt động tưới tiêu, chăm sóc cây cảnh, vệ sinh đường phố và phục vụ cho hoạt động hàng ngày của cán bộ, công nhân viên. Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu diễn biến khó lường tại Đồng bằng sông Cửu Long mà Bến Tre là một trong những địa phương gánh chịu hậu quả nặng nề nhất. Năm 2016 vừa qua, hạn hán và xâm nhập mặn gây ra tình trạng khan hiếm nước ngọt, ảnh hưởng đến nền nông nghiệp và đời sống sinh hoạt của nhân dân trong tỉnh. Chính vì thế, Công ty khuyến khích tập thể cán bộ, công nhân viên Công ty sử dụng hợp lý nguồn nước ngọt, tránh gây lãng phí nguồn tài nguyên này.

## **TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm qua, Công ty không bị xử phạt về vi phạm môi trường.

## **CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Nhận thức người lao động chính là động lực hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Các chính sách về lao động của Công ty hướng đến sự bình đẳng, trả lương công bằng theo năng lực và chú trọng đến sự phát triển năng lực của từng cá nhân. Bên cạnh đó, Công ty luôn nỗ lực tạo ra một môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện và an toàn cho tập thể cán bộ công nhân viên. Cán bộ công nhân viên Công ty hàng năm đều được tổ chức khám sức khỏe định kỳ, được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao, các hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội,... Để tạo điều kiện cho người lao động nâng cao tay nghề, Công ty tổ chức và khuyến khích người lao động tham gia vào các chương trình đào tạo, các chương trình tập huấn về môi trường, pháp luật,...

## **BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG**

Trong định hướng và chiến lược phát triển bền vững, Công ty luôn hướng đến cân bằng lợi ích cho cổ đông, Công ty và xã hội. Hoạt động vì cộng đồng của Công ty hướng đến mục tiêu góp phần cải thiện điều kiện sống, nâng cao mức sống của cộng đồng dân cư, xây dựng hình ảnh và gia tăng ảnh hưởng của Công ty trên địa bàn hoạt động. Những hoạt động vì cộng đồng này của Công ty không phải là những hoạt động từ thiện đơn thuần mà là một cam kết dài hạn của Công ty đối với cộng đồng địa phương. Do đó, hàng năm, bên cạnh các mục tiêu về phát triển hoạt động kinh doanh, Công ty vẫn luôn đặt mục tiêu đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng dân cư trong địa bàn tỉnh Bến Tre. Công ty thực hiện chia sẻ lợi nhuận với cộng đồng thông qua các hoạt động thăm hỏi Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm lo cho các gia đình chính sách, hỗ trợ các hộ nghèo, giúp đỡ trẻ em nghèo được đến trường,... Ngoài ra, Công ty cũng tích cực vận động cán bộ công nhân viên chức thực hiện quyên góp cho đồng bào vùng sâu vùng xa, đồng bào ở những vùng bị thiên tai,...

## **BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH**

Hiện nay tăng trưởng xanh đang là một trong những vấn đề trọng tâm trong định hướng phát triển của các quốc gia trên thế giới. Các quốc gia chủ trương phát triển nền tài chính xanh để hỗ trợ cho mục tiêu tăng trưởng này. Theo định nghĩa của Ngân hàng Thế giới, Tài chính xanh là việc thành lập, phân phối và sử dụng các quỹ nhằm mục đích tài trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ngăn biến đổi khí hậu, ngăn ngừa việc thải chất độc ra môi trường, hướng tới tương lai phát triển bền vững.

Tại Việt Nam, khái niệm Tài chính xanh hay Thị trường vốn xanh vẫn còn khá mới mẻ với nhiều người dù Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đã định hướng xây dựng từ nhiều năm trước. Để xây dựng thành công thị trường vốn xanh, cần huy động sự đóng góp từ xã hội bên cạnh nỗ lực của Chính phủ. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường, Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre cam kết sẽ là đơn vị đi đầu trong công tác sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế tối đa việc gây ô nhiễm cho môi trường trong quá trình sản xuất của công ty. Đồng thời, Công ty sẽ tham gia tích cực các hoạt động tuyên truyền về tác động của tình trạng biến đổi khí hậu và khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo.

# **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tình hình tài chính**

**Những cải tiến trong**

**Kế hoạch phát triển**

**Báo cáo đánh giá về trách nhiệm về môi trường và xã hội**

---

**Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	TH 2016	2016 so với 2015
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>47.921</b>	<b>55.697</b>	<b>116,23%</b>
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	34.133	41.596	121,86%
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	13.789	14.102	102,27%
Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	31	363	1170,58%
Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	2	-	-
Chi phí bán hàng	Triệu đồng	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	8.099	7.542	93,12%
Lãi (lỗ) từ công ty liên doanh	Triệu đồng	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	Triệu đồng	5.719	6.923	121,05%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	202	4	1,86%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.920	6.927	116,99%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.556	5.494	120,59%

Năm 2016, hạn hán và xâm nhập mặn ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống sản xuất và sinh hoạt của tỉnh Bến Tre. Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình.

Tuy nhiên, với bề dày 20 năm kinh nghiệm trong ngành dịch vụ công ích, cùng với thị trường ổn định từ các hợp đồng UBND TP. Bến Tre đặt hàng và những khách hàng lâu năm khác, tập thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch đề ra với kết quả khả quan. Cụ thể, doanh thu thuần của Công ty tăng 16,23%, đạt mức hơn 55 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tăng 20,59% so với năm 2015 đạt mức 5,5 tỷ đồng. Hơn nữa, năm 2016 là năm mà Công ty đã mạnh dạn đầu tư cho các hoạt động thi công xây dựng và đã ghi nhận những kết quả tích cực đối với các hoạt động này.



### Thuận lợi

- Tập thể cán bộ, nhân viên Công ty đoàn kết, gắn bó và phối hợp chặt chẽ với nhau, cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, cán bộ công nhân viên Công ty không ngừng phấn đấu nâng cao tay nghề, đồng thời đóng góp sáng kiến nâng cao hiệu suất lao động.
- Uy tín và vị thế của Công ty trong ngành dịch vụ môi trường giúp Công ty duy trì được nguồn khách hàng thân thiết, từ đó ổn định được nguồn doanh thu và phát triển sang lĩnh vực xây dựng.



### Khó Khăn

- Nguồn vốn Công ty còn nhiều hạn chế, chưa thể đầu tư đổi mới trang thiết bị đã cũ kỹ, lạc hậu, khiến cho việc cung ứng dịch vụ còn gặp nhiều khó khăn và ảnh hưởng đến quá trình cải thiện chất lượng dịch vụ của Công ty.
- Do đặc thù ngành nghề của Công ty là ngành dịch vụ công ích, đơn giá dịch vụ thực hiện theo khung quy định của các Cơ ban chức năng, thường không theo kịp với mức độ biến động giá cả thị trường.
- Ý thức của người dân còn chưa cao dẫn đến rác thải bị vứt bừa bãi, khiến cho quá trình thu gom của Công ty gặp không ít trở ngại.

### Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Mở rộng và phát triển lĩnh vực xây dựng.
- củng cố và nâng cao vị thế của Công ty
- Thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.
- Tập thể cán bộ, công nhân viên chức của Công ty từng bước trưởng thành, thích nghi với đòi hỏi đổi mới sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động, đặc biệt, ý thức trách nhiệm của người lao động trong Công ty được nâng cao rõ rệt.



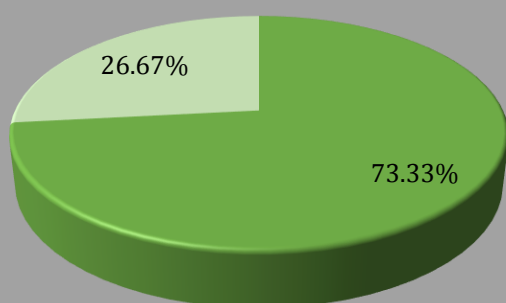


## Tình hình tài chính

### Tình hình tài sản

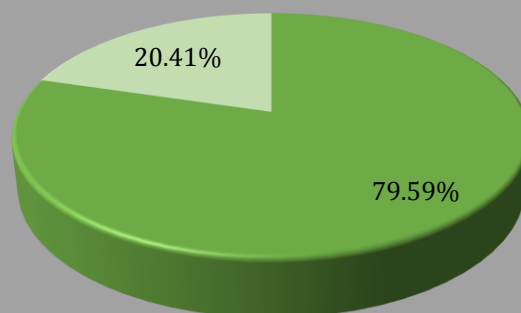
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2015	31/12/2016	% tăng trưởng
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	37.875	42.768	12,92%
Tiền và các khoản tương đương tiền	Triệu đồng	16.659	9.620	-42,25%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Triệu đồng	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	20.343	26.554	30,53%
Hàng tồn kho	Triệu đồng	580	6.292	984,75%
Tài sản ngắn hạn khác	Triệu đồng	293	301	2,79%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	13.773	10.968	-20,36%
Tài sản cố định	Triệu đồng	8.466	7.860	-7,15%
Tài sản dở dang dài hạn	Triệu đồng	22	161	631,04%
Tài sản dài hạn khác	Triệu đồng	5.285	2.947	-44,23%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>51.648</b>	<b>53.736</b>	<b>4,04%</b>

31/12/2015



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

31/12/2016



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Nhìn chung, tình hình tài sản của Công ty khá ổn định trong năm 2016. Tổng tài sản tăng nhẹ ở mức 4,04%, từ 51,648 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 2015 lên đến 53,736 tỷ đồng vào cuối năm 2016. Tài sản ngắn hạn tăng 12,92%, đạt mức 42,768 tỷ đồng, chiếm 79,59% giá trị Tổng tài sản. Tài sản dài hạn giảm từ 13,773 tỷ đồng ở thời điểm ngày 31/12/2015 xuống còn 10,968 tỷ đồng, giảm 20,36%.

Xét tình hình tăng giảm của từng khoản mục, đáng chú ý là Hàng tồn kho được ghi nhận tăng khá mạnh từ 580 triệu vào thời điểm cuối năm 2015 lên đến hơn 6,2 tỷ đồng tại ngày 31/12/2016. Trong khi đó, lượng tiền và các khoản tương đương tiền tại tài khoản của Công ty giảm đến hơn 42%, từ 16,6 tỷ đồng vào cuối năm 2015 xuống mức 9,6 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm Công ty đẩy mạnh việc mua sắm máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ cho mảng xây dựng công trình, nâng cao nguồn doanh thu cho Công ty.

### **Tình hình nợ phải trả**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2015	31/12/2016	% tăng trưởng
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>11.412</b>	<b>11.988</b>	<b>5,05%</b>
<b>Phải trả người bán</b>	Triệu đồng	2.092	2.495	19,28%
<b>Người mua trả tiền trước</b>	Triệu đồng	-	2.191	
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	Triệu đồng	4.131	2.105	-49,04%
<b>Phải trả người lao động</b>	Triệu đồng	3.598	3.222	-10,45%
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	Triệu đồng	4	637	15816,34%
<b>Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</b>	Triệu đồng	-	-	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	Triệu đồng	31	36	15,74%
<b>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	Triệu đồng	1.556	1.301	-16,38%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng nợ</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>11.412</b>	<b>11.988</b>	<b>5,05%</b>

Kết thúc năm 2016, tổng nợ phải trả của Công ty tăng 5,05% so với cùng kỳ năm 2015, lên đến gần 12 tỷ đồng. Khoản nợ của Công ty chủ yếu đến từ khoản phải trả người bán, Phải trả người lao động, Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước. Khoản Phải trả người bán tăng 19,28%, từ 2,09 tỷ đồng tại ngày 31/12/2015 lên mức gần 2,5 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2016.

Công ty không thực hiện vay nợ dài hạn. Nhìn chung, cơ cấu nợ của Công ty không có nhiều biến động trong năm qua.



## Kế hoạch phát triển

Năm 2017, tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện các kế hoạch kinh doanh. Tuy nhiên, trong nền kinh tế thị trường, luôn luôn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Do đó, Công ty đã chủ động đặt mục tiêu về doanh thu và lợi nhuận, đồng thời đề ra các biện pháp thực hiện để làm cơ sở cho các hoạt động của Công ty trong năm tới.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2016	KH 2017	KH2017/TH2016
Doanh thu	Triệu đồng	56.064	57.000	101,67%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.927	7.125	102,86%

Theo đó, năm 2017, Công ty đề ra mục tiêu đạt doanh thu 57 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 7,125 tỷ đồng.

### Biện pháp thực hiện

- Tuyển dụng thêm kỹ sư xây dựng, tổ chức các hoạt động tập huấn, đào tạo liên quan đến lĩnh vực thi công công trình dân dụng cho người lao động.
- Ngoài ra, Ban giám đốc cũng tiến hành xem xét, điều chỉnh mức đãi ngộ đối với cán bộ, công nhân viên có năng lực, đồng thời điều chỉnh mức lương thưởng, tạo động lực cho người lao động của Công ty.
- Tăng cường kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, công cụ đầu vào.
- Tìm kiếm và thu hút các nguồn vốn đầu tư mới để nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và thay mới những thiết bị đã lạc hậu, để phục vụ cho các hạng mục xây dựng và nâng cao chất lượng dịch vụ công ích.
- Thực hiện sắp xếp và tinh giản bộ máy Công ty theo hướng chuyên môn hóa, hướng đến nâng cao năng suất và hiệu quả của công việc.

## Báo cáo về thực hiện trách nhiệm với môi trường & xã hội

Nhận thức rằng người lao động là một trong những động lực phát triển của Công ty, Ban Tổng Giám đốc luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công nhân viên chức của Công ty. Hằng năm, Ban lãnh đạo tiến hành điều chỉnh chính sách lương, thưởng, phúc lợi dựa trên mức sống thực tế của người lao động. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo thường xuyên tiếp xúc lắng nghe nguyện vọng của người lao động, hướng đến cải thiện môi trường làm việc theo hướng chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho người lao động phát huy hết năng lực cá nhân.

Bên cạnh đạt được mục tiêu về lợi nhuận năm 2016, Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre cũng nỗ lực xây dựng môi trường sống xanh, sạch, văn minh cho người dân thành phố Bến Tre. Công ty đã không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ, đồng thời tham gia vào các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường sống, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng khuyến khích cán bộ, nhân viên Công ty tham gia vào các hoạt động từ thiện, hoạt động xã hội tại địa phương nhằm đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng. Ban Tổng Giám đốc cũng tổ chức các chương trình quyên góp giúp đỡ bà con các vùng bị thiên tai khác trên cả nước.



Hoạt động Chạy xe đạp tuyên truyền không vứt rác bừa bãi.

Bàn giao nhà Mái ấm Công đoàn 2016





# **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Về các mặt hoạt động của Công ty**

**Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

**Kế hoạch và định hướng.**

---

## Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

### Về các mặt hoạt động của Công ty

#### Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện 2016	So với KH 2016
Tổng Doanh thu	Triệu đồng	51.000,00	56.063,93	109,93%
Tổng chi phí	Triệu đồng	44.600,00	49.137,29	110,17%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.400,00	6.926,64	108,22%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.073,68	5.493,71	108,28%

Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông với việc cả Tổng doanh thu và Lợi nhuận sau thuế đều vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể, Tổng Doanh thu đạt hơn 56 tỷ đồng, vượt 9,93% so với kế hoạch, Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 5,4 tỷ đồng, vượt kế hoạch hơn 400 triệu đồng. Bên cạnh việc ổn định nguồn thu từ dịch vụ công ích, năm 2016 là năm mà doanh thu hoạt động của Công ty có thêm một nguồn động lực phát triển mới từ lĩnh vực thi công công trình. Mảng hoạt động này ghi nhận tốc độ tăng doanh thu mạnh mẽ, được kỳ vọng mang đến thêm nhiều cơ hội kinh doanh cho Công ty trong thời gian tới. Ngoài ra, phát triển sang lĩnh vực xây dựng cũng góp phần nâng cao vị thế cho Công ty tại địa bàn tỉnh

Bến Tre và củng cố lợi thế cạnh tranh của Công ty so với các đối thủ khác. Có thể thấy rằng, trong năm vừa qua, Ban lãnh đạo và tập thể người lao động đã thực sự cố gắng, nghiêm túc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, hướng đến mục tiêu cải thiện chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Bên cạnh việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, Công ty đã có một năm nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ giữ gìn vệ sinh đô thị cho tỉnh Bến Tre, đóng góp vào quá trình xây dựng Thành phố Bến Tre xanh – sạch – đẹp, hướng đến đưa Thành phố Bến Tre trở thành Đô thị loại II vào năm 2020.



### Về thực hiện trách nhiệm với môi trường, xã hội

Công ty nghiêm chỉnh chấp hành những quy định của pháp luật về môi trường trong các hoạt động kinh doanh của mình. Ngoài ra, trong năm qua, Công ty đã nỗ lực phối hợp với Ủy Ban Nhân dân TP. Bến Tre khắc phục tình trạng quá tải về sức chứa, dẫn đến ô nhiễm môi trường sống của dân cư trong địa bàn của bãi rác Phú Hưng. Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức các hoạt động tuyên truyền về Bảo vệ môi trường, tích cực hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Giờ Trái đất, Tuần lễ Biển và Hải đảo, trồng cây xanh, ....

Trách nhiệm đối với cộng đồng luôn là vấn đề được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc quan tâm. Chính vì thế, hàng năm Công ty luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện hướng đến các gia đình chính sách, Người có công với cách mạng, người già neo đơn, các hộ nghèo,...



### Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh, tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò và năng lực của Ban Tổng Giám đốc thể hiện trong năm qua khi dẫn dắt tập thể cán bộ công nhân viên Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt các công tác về chăm lo đời sống cho người lao động, góp phần duy trì lực lượng cán bộ, công nhân viên ổn định, đồng thời Ban Tổng Giám đốc cũng tích cực tham gia và động viên tập thể người lao động tham gia vào các hoạt động xã hội.



### Kế hoạch và định hướng

Trong thời gian tới, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định, thu nhập của người dân được kỳ vọng sẽ nâng cao. Chính vì thế, những năm tới là thời gian thuận lợi cho sự phát triển của những ngành phục vụ đời sống an sinh xã hội như ngành dịch vụ công ích.

Theo Kế hoạch Bảo vệ Môi trường tỉnh Bến Tre do UBND tỉnh triển khai, năm 2017, tỉnh Bến Tre sẽ tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng ngành môi trường, xử lý các điểm gây ô nhiễm ở các địa phương, quản lý chất thải, bảo tồn đa dạng sinh học, và nâng cao nhận thức của cộng đồng về môi trường.

Có thể nhận thấy rằng, trong năm 2017, Công ty sẽ có nhiều cơ hội kinh doanh hơn, khi Công ty sẽ song song phát triển cả hai lĩnh vực dịch vụ công ích và thi công xây dựng. Hướng đến năm 2017, Hội đồng quản trị đề ra những định hướng thực hiện như sau:

- Tập trung nguồn lực đầu tư thay mới các thiết bị để mở rộng hoạt động thi công xây dựng dân dụng, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ công ích.
- Chủ động tìm kiếm các đối tác, khách hàng mới bên cạnh những hợp đồng đặt hàng của Tỉnh.
- Phấn đấu đạt các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đề ra, duy trì lợi ích cho cổ đông Công ty.
- Ban Tổng giám đốc thường xuyên theo sát những chuyển biến của nền Kinh tế và đời sống xã hội nhằm kịp thời phát hiện và phòng tránh rủi ro. Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc cũng cần thường xuyên báo cáo, tham mưu ý kiến Hội đồng quản trị để cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh.
- Dự kiến, tháng 7 năm 2017, nhà máy xử lý rác sẽ đi vào hoạt động, là yếu tố tích cực làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre.



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Ý kiến kiểm toán**

**Báo cáo tài chính kiểm toán 2016**

---

## Ý kiến kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt ( **VIETVALUES**' )

*Công ty Thành viên của Reanda International*

*Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM*

*Trụ sở văn phòng: 156-158 Phố Quang, phường 9, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM*

*Tel 84 (8) 3999 00 91-97*

*Fax: + 84 (8) 3 999 00 90*

*Email: info@vietvalues.com*

*Website: www.vietvalues.com*



Số: 2122/17/BCKT/AUD-VIETVALUES

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập tại ngày 20 tháng 03 năm 2017, từ trang 08 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017.*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES**



---

**Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1512-2013-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

---

**Trần Văn Hiệp – Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số 2141-2013-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

Báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

*ĐVT: VNĐ*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>42.767.556.143</b>	<b>37.875.252.918</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>9.620.207.987</b>	<b>16.659.066.540</b>
111	1. Tiền		1.334.536.288	16.659.066.540
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.285.671.699	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>26.554.419.789</b>	<b>20.342.870.328</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	27.638.970.789	21.640.203.231
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	497.368.580	172.305.053
137	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.4	(1.581.919.580)	(1.469.637.956)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.5	<b>6.291.523.161</b>	<b>580.050.441</b>
141	1. Hàng tồn kho		6.291.523.161	580.050.441
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>301.405.206</b>	<b>293.265.609</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	301.187.436	293.265.609
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		217.770	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>10.968.401.903</b>	<b>13.772.928.895</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>7.860.353.932</b>	<b>8.465.835.560</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	7.860.353.932	8.465.835.560
222	- Nguyên giá		19.074.518.640	17.435.491.368
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.214.164.708)	(8.969.655.808)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>160.827.965</b>	<b>22.058.827</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	160.827.965	22.058.827
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.947.220.006</b>	<b>5.285.034.508</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	2.947.220.006	5.285.034.508
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>53.735.958.046</b>	<b>51.648.181.813</b>

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>11.987.929.820</b>	<b>11.412.020.700</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>11.987.929.820</b>	<b>11.412.020.700</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	2.495.234.843	2.092.169.964
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	2.191.440.909	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	2.105.045.990	4.131.047.476
314	4. Phải trả người lao động	V.12	3.222.097.945	3.597.583.081
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	636.653.412	4.160.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		36.335.753	31.393.275
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.14	1.301.120.968	1.555.666.904
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>41.748.028.226</b>	<b>40.236.161.113</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.15	<b>41.427.344.995</b>	<b>39.869.665.998</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		36.000.000.000	36.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		36.000.000.000	36.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.828.741.470	900.945.819
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.598.603.525	2.968.720.179
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		41.920.179	(10.479.000)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.556.683.346	2.979.199.179
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>320.683.231</b>	<b>366.495.115</b>
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	V.16	320.683.231	366.495.115
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>53.735.958.046</b>	<b>51.648.181.813</b>

Người lập biểu



NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ VÂN NGHI



**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	12 tháng năm 2016	11 tháng năm 2015
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	55.697.419.224	47.921.453.837
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.697.419.224	47.921.453.837
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	41.595.506.555	34.132.658.525
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.101.912.669	13.788.795.312
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	362.786.816	30.992.050
22	7. Chi phí tài chính		-	1.897.586
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	7.541.807.455	8.099.124.101
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.922.892.030	5.718.765.675
31	11. Thu nhập khác		3.743.750	387.648.021
32	12. Chi phí khác		-	185.924.169
40	13. Lợi nhuận khác		3.743.750	201.723.852
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.926.635.780	5.920.489.527
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.432.928.795	1.364.635.165
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.493.706.985	4.555.854.362
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.5a	1.246	1.078
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.5b	1.246	1.078

Người lập biểu



NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ VÂN NGHI

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2017



NGÔ TRUNG KIÊN

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Thu gom, xử lý và tiêu hủy các loại chất thải;
- Chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Xây dựng các công trình công ích và dân dụng.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.

#### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu “11 tháng năm 2015” là số liệu của 11 tháng nên không có tính so sánh với số liệu “12 tháng năm 2016” trên Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ. Do đó số liệu so sánh chỉ mang tính chất tham khảo.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 174 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 174 nhân viên).



## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo đó, Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và tương đương tiền**

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng (có thời hạn gốc không quá ba tháng), dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho của hoạt động xây lắp và các loại hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

***Lợi thế kinh doanh***

Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định lại theo biên bản xác định lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm thay đổi loại hình doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	06

**7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 8. **Vốn chủ sở hữu**

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## 9. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 10. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ: chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh, duy tu cầu đường, vệ sinh đô thị*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu xây dựng: công trình xây dựng cơ bản, công trình chiếu sáng, công trình cây xanh*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**11. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của tài sản phục vụ việc cung cấp các dịch vụ công ích, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

**12. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính.

**13. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

**- Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

**- Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	118.721.679	416.817.835
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.215.814.609	16.242.248.705
Các khoản tương đương tiền	8.285.671.699	-
<b>Cộng</b>	<b><u>9.620.207.987</u></b>	<b><u>16.659.066.540</u></b>

**1.1 Các khoản tương đương tiền**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	6.006.857.021	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	2.278.814.678	-
<b>Cộng</b>	<b><u>8.285.671.699</u></b>	<b><u>-</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>27.638.970.789</b>	<b>21.640.203.231</b>
- Phòng quản lý đô thị Thành phố Bến Tre	11.217.264.609	9.225.225.475
- Công ty Cổ phần CT&TM Giao Thông Vận Tải	2.989.954.700	2.989.954.700
- Ban Quản lý đầu tư xây dựng huyện Chợ Lách	1.985.295.000	2.415.295.000
- BQL.DA Đầu tư Xây dựng công trình giao thông Bến Tre (theo ủy quyền của Công ty MISECO)	1.773.176.000	-
- BQL các DA CTGT Long An	1.471.569.601	973.120.278
- Các đối tượng khác	8.201.710.879	6.036.607.778
<b>Cộng</b>	<b><u>27.638.970.789</u></b>	<b><u>21.640.203.231</u></b>

**3. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	497.368.580	-	138.908.053	-
- Tạm ứng	245.810.740	-	93.697.153	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	188.000.000	-	35.067.600	-
- Các đối tượng khác	63.557.840	-	43.540.300	-
<b>Cộng</b>	<b>497.368.580</b>	<b>-</b>	<b>172.305.053</b>	<b>-</b>

**4. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Nợ xấu	Giá trị có thể thu hồi		Nợ xấu	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		-	-		-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		1.581.919.580	-	1.581.919.580	112.281.624	
- Ban Quản lý đầu tư xây dựng huyện Chợ Lách	Trên 3 năm	1.207.647.500	-	Từ 2 đến 3 năm	1.207.647.500	-
- Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre	Trên 3 năm	374.272.080	-	Từ 1 đến 2 năm	374.272.080	112.281.624
<b>Cộng</b>		<b>1.581.919.580</b>	<b>-</b>		<b>1.581.919.580</b>	<b>112.281.624</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Số đầu năm</b>	<b>(1.469.637.956)</b>	<b>-</b>
Trích lập dự phòng bổ sung	(112.281.624)	(1.469.637.956)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(1.581.919.580)</b>	<b>(1.469.637.956)</b>

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	201.389.086	-	295.415.028	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	6.043.245.798	-	237.747.136	-
Hàng hóa	46.888.277	-	46.888.277	-
<b>Cộng</b>	<b>6.291.523.161</b>		<b>580.050.441</b>	

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lót gạch vỉa hè Ngân hàng Công thương	179.947.930	-
- Sửa chữa đường ĐH 18 huyện Mỏ Cày Bắc	130.814.954	-
- Chiếu sáng cây xanh đường tỉnh 883 từ cầu Rạch Miễu đến ngã tư An Hóa (đoạn từ km 4+500 đến km 8+000)	5.310.657.778	-
- Trồng cây xanh đường Nguyễn Văn Nguyễn - Phạm Ngọc Thảo (khu an đường Mỹ Thạnh An)	269.819.151	-
- Các công trình khác	152.005.985	237.747.136
<b>Cộng</b>	<b>6.043.245.798</b>	<b>237.747.136</b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**

**6.a Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	301.187.436	293.265.609
<b>Cộng</b>	<b>301.187.436</b>	<b>293.265.609</b>

**6.b Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị lợi thế kinh doanh	2.449.757.076	4.711.071.313
Chi phí trả trước dài hạn khác	497.462.930	573.963.195
<b>Cộng</b>	<b>2.947.220.006</b>	<b>5.285.034.508</b>



**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	5.659.141.338	2.243.785.722	9.456.452.313	76.111.995	17.435.491.368
Tăng trong năm	-	-	1.639.027.272	-	1.639.027.272
- Mua trong năm	-	-	1.639.027.272	-	1.639.027.272
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.659.141.338</b>	<b>2.243.785.722</b>	<b>11.095.479.585</b>	<b>76.111.995</b>	<b>19.074.518.640</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	103.853.000	682.519.762	76.111.995	862.484.757
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	1.746.611.789	904.327.677	6.242.604.347	76.111.995	8.969.655.808
Khấu hao trong năm	447.861.984	271.514.846	1.525.132.070	-	2.244.508.900
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.194.473.773</b>	<b>1.175.842.523</b>	<b>7.767.736.417</b>	<b>76.111.995</b>	<b>11.214.164.708</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	3.912.529.549	1.339.458.045	3.213.847.966	-	8.465.835.560
Số cuối năm	3.464.667.565	1.067.943.199	3.327.743.168	-	7.860.353.932

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	6.862.727	1.647.309.545	(1.639.027.272)	-	15.145.000
Xây dựng cơ bản	15.196.100	149.222.965	-	(18.736.100)	145.682.965
<b>Cộng</b>	<b>22.058.827</b>	<b>1.796.532.510</b>	<b>(1.639.027.272)</b>	<b>(18.736.100)</b>	<b>160.827.965</b>

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	2.495.234.843	2.495.234.843	2.092.169.964	2.092.169.964
- Công ty Cổ phần đô thị Tân An	1.623.002.121	1.623.002.121	1.169.725.264	1.169.725.264
- DNTN Xây dựng Hồng Minh	470.042.000	470.042.000	770.042.000	770.042.000
- Các nhà cung cấp khác	402.190.722	402.190.722	152.402.700	152.402.700
<b>Cộng</b>	<b>2.495.234.843</b>	<b>2.495.234.843</b>	<b>2.092.169.964</b>	<b>2.092.169.964</b>

**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	<b>2.191.440.909</b>	-
- Ban QLDA chuyên ngành GTVT	2.191.340.000	-
- Công ty TNHH Gen Nex Apparel	100.909	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.191.440.909</u></b>	<u>-</u>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT	1.768.843.764	-	1.432.016.849	2.715.326.933	485.533.680	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.304.136.244	-	1.432.928.795	2.432.672.411	304.392.628	-
- Thuế thu nhập cá nhân	8.414.877	-	61.347.540	47.301.677	22.460.740	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	23.405.770	23.623.540	-	217.770
- Thuế bảo vệ môi trường	1.049.652.591	-	243.006.351	-	1.292.658.942	-
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.131.047.476</u></b>	<u>-</u>	<b><u>3.195.705.305</u></b>	<b><u>5.221.924.561</u></b>	<b><u>2.105.045.990</u></b>	<b><u>217.770</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.926.635.780	5.920.489.527
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	238.008.193	282.397.586
+ Chi phí không được trừ	238.008.193	282.397.586
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	7.164.643.973	6.202.887.113
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay</b>	<b><u>1.432.928.795</u></b>	<b><u>1.364.635.165</u></b>

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**12. Phải trả người lao động**

Quỹ lương của Công ty được thực hiện trích theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 29/06/2016 của Hội đồng quản trị Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre. Theo đó, quỹ tiền lương Công ty được hình thành từ chi phí nhân công, chi phí nhân công trong ca máy, chi phí chung trong các hồ sơ quyết toán khối lượng hoàn thành các mảng dịch vụ công ích và các công trình xây dựng cơ bản được chủ đầu tư phê duyệt và chấp thuận thanh toán.

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Chủ yếu là chi phí trích trước cho các hợp đồng xây dựng nghiệm thu theo từng giai đoạn.

**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tăng do trích lập từ lợi nhuận			Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	Tăng khác	Tăng khác		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.555.666.904	1.009.227.988	68.980.500	(1.332.754.424)	1.301.120.968
<b>Cộng</b>	<b>1.555.666.904</b>	<b>1.009.227.988</b>	<b>68.980.500</b>	<b>(1.332.754.424)</b>	<b>1.301.120.968</b>

## 15. Vốn chủ sở hữu

## 15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
1. Số dư đầu năm trước	36.000.000.000	2.218.800.685	-	38.218.800.685
2. Tăng trong năm trước	-	900.945.819	4.555.854.362	5.416.153.910
- Lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	4.555.854.362	4.555.854.362
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	900.945.819	-	900.945.819
3. Giảm trong năm trước	-	2.218.800.685	1.587.134.183	3.805.934.868
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	900.945.819	900.945.819
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	675.709.364	675.709.364
- Giảm khác	-	2.218.800.685	10.479.000	2.229.279.685
4. Số dư cuối năm trước	36.000.000.000	900.945.819	2.968.720.179	39.869.665.998
5. Số dư đầu năm nay	36.000.000.000	900.945.819	2.968.720.179	39.869.665.998
6. Tăng trong năm nay	-	927.795.651	5.493.706.985	6.421.502.636
- Lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	5.493.706.985	5.493.706.985
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	927.795.651	-	927.795.651
7. Giảm trong năm nay	-	-	4.863.823.639	4.863.823.639
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	927.795.651	927.795.651
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	1.009.227.988	1.009.227.988
- Chia cổ tức	-	-	2.926.800.000	2.926.800.000
Số dư cuối năm nay	36.000.000.000	1.828.741.470	3.598.603.525	41.427.344.995

**15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (Đại diện vốn góp của Nhà nước)	26.897.000.000	74,71	26.897.000.000	74,71
- Vốn góp của cán bộ CNV	3.066.000.000	8,52	3.066.000.000	8,52
- Vốn góp của các đối tượng khác	6.037.000.000	16,77	6.037.000.000	16,77
<b>Cộng</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100</b>

*Tình hình góp vốn điều lệ như sau:*

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
		36.000.000.000	36.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>-</b>

**15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	36.000.000.000	36.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả	2.926.800.000	-

**15.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)	10.000	10.000

**15.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**15.6 Phân phối lợi nhuận**

Chỉ tiêu	<u>Phân phối lợi nhuận năm 2016</u>	<u>Phân phối lợi nhuận năm 2015 <sup>(1)</sup></u>	<u>Tổng cộng</u>
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế	5.493.706.985	4.555.854.362	10.049.561.347
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.009.227.988)	(675.709.364)	(1.684.937.352)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	(927.795.651)	(900.945.819)	(1.828.741.470)
Chi trả cổ tức	(2.926.800.000)	-	-
Các khoản giảm lợi nhuận khác	-	(10.479.000)	(45.925.800)
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.521.236.546</u></b>	<b><u>2.968.720.179</u></b>	<b><u>6.489.956.725</u></b>

(1) Phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 27/04/2016.

**16. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	366.495.115	590.587.000
Nguồn kinh phí được cấp	-	-
Số khấu hao	(45.811.884)	(224.091.885)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>320.683.231</u></b>	<b><u>366.495.115</u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT : VNĐ)**

**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>12 tháng năm 2016</u>	<u>11 tháng năm 2015</u>
- Doanh thu thi công công trình	13.152.979.108	6.485.289.046
+ Công trình xây dựng cơ bản	4.630.470.709	5.944.773.682
+ Công trình chiếu sáng	7.943.666.346	319.879.272
+ Công trình cây xanh	226.542.165	168.817.910
+ Công trình khác	352.299.888	51.818.182
- Doanh thu dịch vụ công ích	42.544.440.116	41.436.164.791
+ Chiếu sáng công cộng	3.633.351.800	3.837.777.300
+ Công viên cây xanh	12.552.440.699	15.394.451.390
+ Duy tu cầu đường	4.917.750.817	3.581.727.636
+ Vệ sinh đô thị	21.440.896.800	18.622.208.465
- Doanh thu khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>55.697.419.224</u></b>	<b><u>47.921.453.837</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>12 tháng năm 2016</u>	<u>11 tháng năm 2015</u>
- Giá vốn thi công công trình	11.594.295.141	6.149.320.983
+ Công trình xây dựng cơ bản	4.185.597.067	5.652.522.326
+ Công trình chiếu sáng	6.969.532.052	284.490.772
+ Công trình cây xanh	117.737.292	121.979.632
+ Công trình khác	321.428.730	90.328.253
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	30.001.211.414	27.983.337.542
+ Chiếu sáng công cộng	2.427.219.604	3.053.803.040
+ Công viên cây xanh	9.139.511.637	11.228.015.747
+ Duy tu cầu đường	3.950.218.286	2.407.237.508
+ Vệ sinh đô thị	14.484.261.888	11.294.281.247
- Giá vốn các hoạt động khác	-	-
<b>Cộng</b>	<u><b>41.595.506.555</b></u>	<u><b>34.132.658.525</b></u>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chủ yếu là lãi tiền gửi có kỳ hạn.

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>12 tháng năm 2016</u>	<u>11 tháng năm 2015</u>
Chi phí cho nhân viên	3.310.899.706	3.064.289.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	167.215.625	271.276.812
Thuế, phí và lệ phí	-	23.188.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	93.568.020	1.488.351.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.992.736	29.831.119
Các chi phí khác	3.936.131.368	3.222.186.679
<b>Cộng</b>	<u><b>7.541.807.455</b></u>	<u><b>8.099.124.101</b></u>

**5. Lãi trên cổ phiếu**

**5.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>12 tháng năm 2016</b>	<b>11 tháng năm 2015</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.493.706.985	4.515.208.091
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.009.227.988)	(675.709.364)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.484.478.997	3.880.144.998
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	3.600.000	3.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>1.246</b>	<b>1.078</b>

(\*) Được xác định bằng 15% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp và 1,5 tháng lương thực hiện của Ban điều hành. Đây là khoản tạm trích theo kế hoạch hoạt động 2016 được ĐHĐCĐ thông qua ngày 27/4/2016. Công ty sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2016.

**5.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>12 tháng năm 2016</b>	<b>11 tháng năm 2015</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.484.478.997	3.880.144.998
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.484.478.997	3.880.144.998
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	3.600.000	3.600.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>1.246</b>	<b>1.078</b>

**6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>12 tháng năm 2016</b>	<b>11 tháng năm 2015</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.700.960.783	13.091.894.067
- Chi phí nhân công	17.584.623.124	10.252.201.508
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.031.481.391	1.883.350.989
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	317.047.463	427.602.292
- Chi phí khác	5.961.393.794	8.477.609.669
<b>Cộng</b>	<b>41.595.506.555</b>	<b>34.132.658.525</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.



**2. Nợ tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

*Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)*

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	12 tháng năm 2016	11 tháng năm 2015
Lương	1.432.600.000	1.024.092.308
Thù lao	224.150.000	280.500.000
Cổ tức	256.176.300	-
<b>Công</b>	<b>1.912.926.300</b>	<b>1.304.592.308</b>

**4. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thi công công trình.
- Dịch vụ công ích.

12 tháng năm 2016	Thi công công trình	Dịch vụ công ích	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.152.979.108	42.544.440.116	55.697.419.224
Giá vốn hàng bán	11.594.295.141	30.001.211.414	41.595.506.555
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.558.683.967</b>	<b>12.543.228.702</b>	<b>14.101.912.669</b>

11 tháng năm 2015	Thi công công trình	Dịch vụ công ích	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.485.289.046	41.436.164.791	47.921.453.837
Giá vốn hàng bán	6.149.320.983	27.983.337.542	34.132.658.525
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>335.968.063</b>	<b>13.452.827.249</b>	<b>13.788.795.312</b>

**Khu vực địa lý**

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

**5. Thông tin so sánh**

Số dư đầu năm của Công ty được trình bày lại theo Thông báo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2015 của Công ty do Kiểm toán nhà nước lập ngày 14 tháng 02 năm 2017.

Theo biên bản kiểm toán, số dư đầu năm của Công ty được trình bày lại như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
	<u>(1)</u>	<u>(2)</u>	<u>(3)</u>	<u>(2)+(3)</u>
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
<b>Tài sản</b>				
- Phải thu ngắn hạn khác	136	138.908.053	33.397.000	172.305.053
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1.488.351.560)	18.713.604	(1.469.637.956)
<b>Nợ phải trả</b>				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.069.930.552	1.061.116.924	4.131.047.476
- Phải trả ngắn hạn khác	319	1.081.045.866	(1.049.652.591)	31.393.275
<b>Nguồn vốn</b>				
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.928.073.908	40.646.271	2.968.720.179
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8.151.234.705	(52.110.604)	8.099.124.101
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	5.666.655.071	52.110.604	5.718.765.675
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.868.378.923	52.110.604	5.920.489.527
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.353.170.832	11.464.333	1.364.635.165
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.515.208.091	40.646.271	4.555.854.362
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.067	11	1.078
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.067	11	1.078

**6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo ý kiến của Ban Điều hành, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được lập trong Báo cáo sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng có bản chất bất thường nào trong giai đoạn từ cuối năm tài chính kết thúc cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

*Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2017.*

**Người lập biểu**



**NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM**

**Kế toán trưởng**



**TRẦN THỊ VÂN NGHI**

**Tổng Giám đốc**



**NGŨ TRUNG KIÊN**

*Bến Tre, ngày ..... tháng 4 năm 2017*

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**